

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)

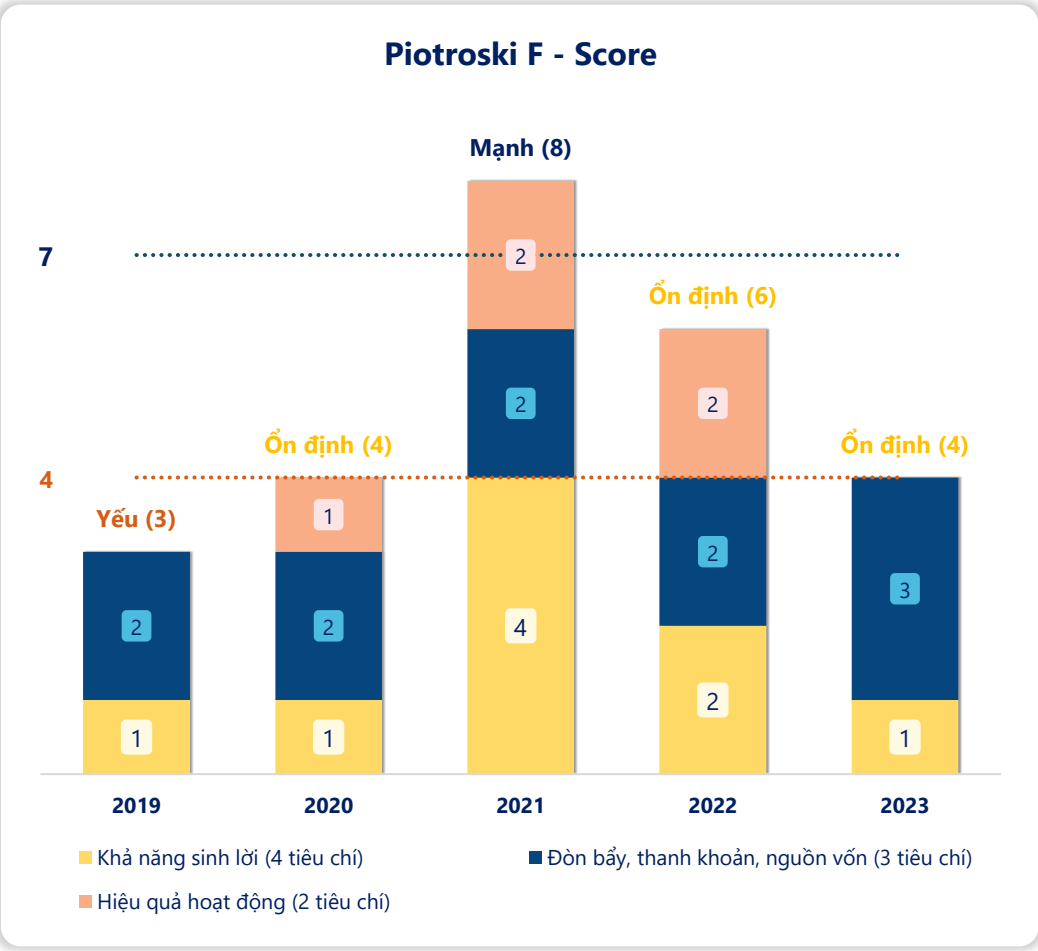
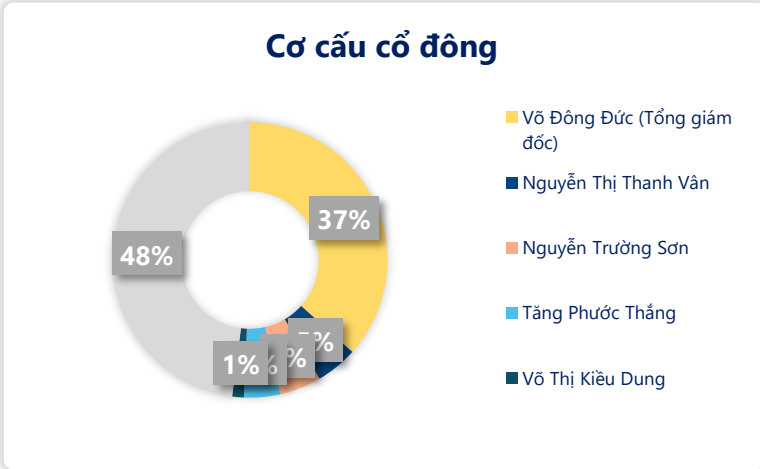
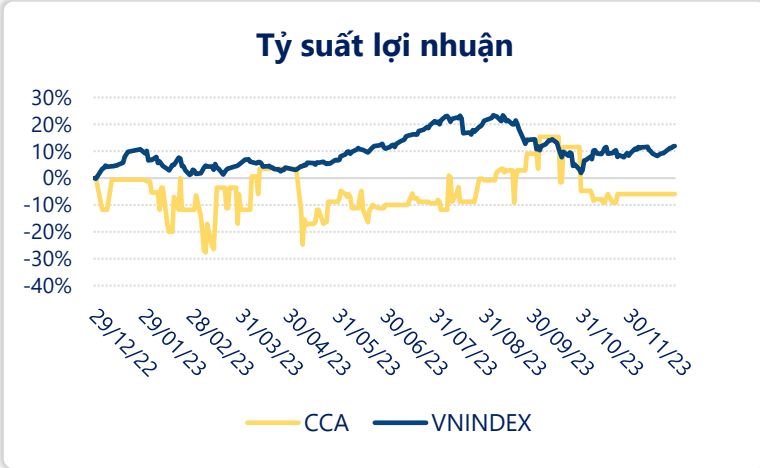
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	15,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-18.5%	4.4%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	4/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023	YoY
	1,237	▼ 78.0
	tỷ VNĐ	▼ 5.9%

LN sau thuế	2023	YoY
	3.71	▼ 39.7
	tỷ VNĐ	▼ 91.5%

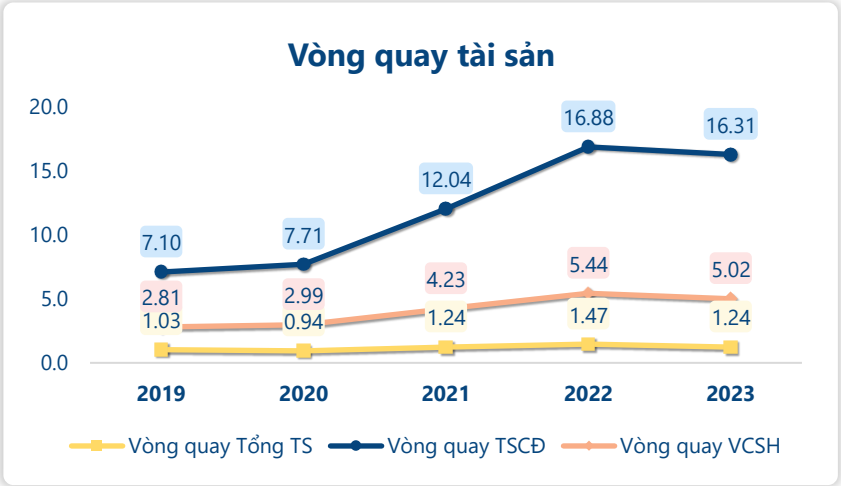
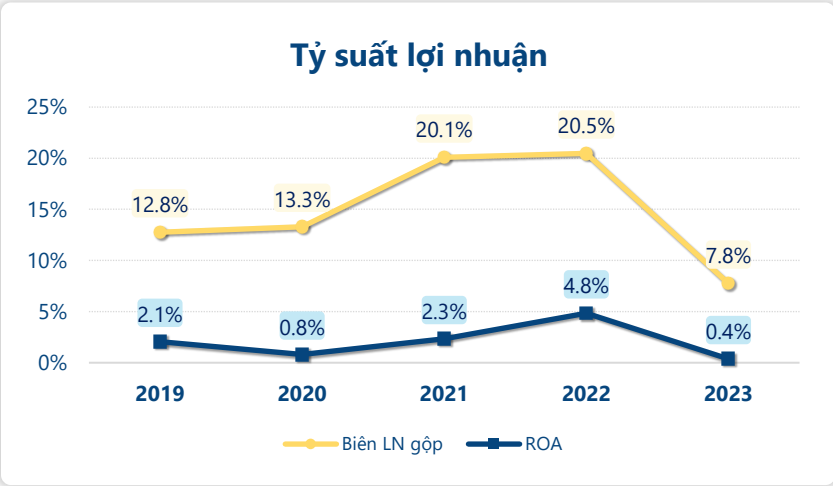
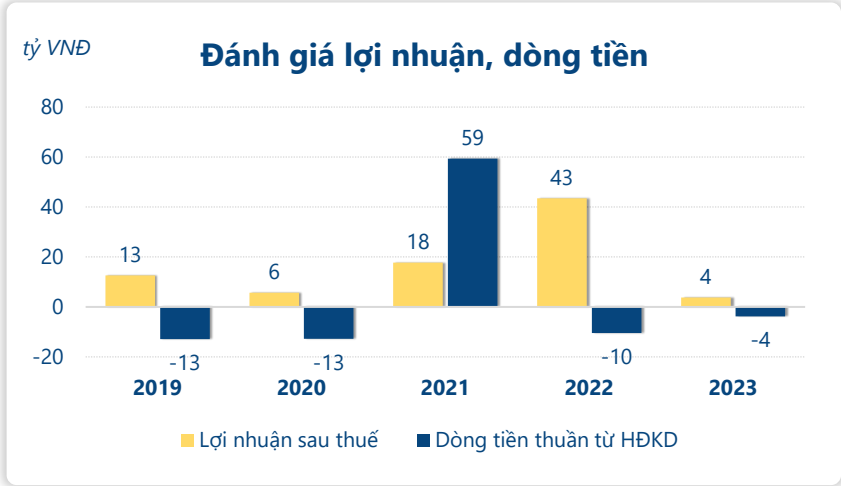


Năm 2023, F-Score của CCA đạt 4/9 thấp hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "Ổn định".

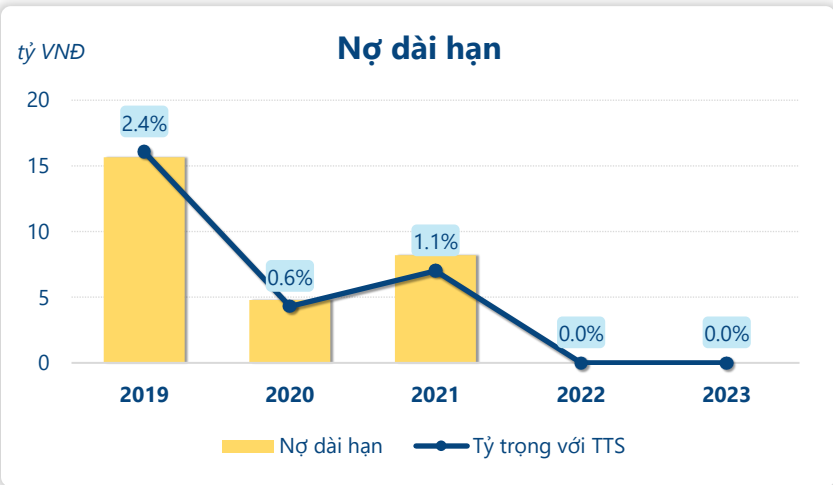
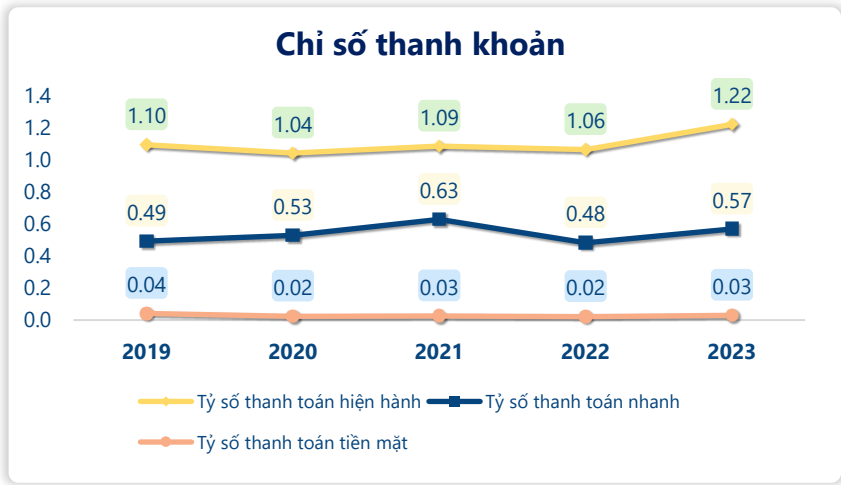
Trong đó, khả năng sinh lời giảm xuống còn 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 3/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **CCA**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	984	1,014	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	898	811	10.7%
Tiền và tương đương tiền	22.3	16.4	36.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.5	88.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	277	243	14.1%
Hàng tồn kho	486	444	9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	24.3	20.1	20.6%
Tài sản dài hạn	85.6	202	-57.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	70.5	81.3	-13.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.63	114	-99.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.53	6.96	-34.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	743	762	-2.5%
Nợ ngắn hạn	743	762	-2.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	414	378	9.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	184	179	2.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	241	252	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	241	252	-4.2%
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	625	653	947	1,315	1,237
Giá vốn hàng bán	546	566	757	1,046	1,141
Lợi nhuận gộp	79.9	86.9	190	269	96.0
Doanh thu HĐTC	1.22	1.68	4.83	22.8	16.2
Chi phí TC	16.7	19.7	22.6	29.5	32.1
Chi phí lãi vay	16.3	19.2	20.2	18.6	29.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	36.2	55.2	135	172	69.8
Chi phí QLDN	12.3	6.34	15.5	33.0	6.12
LN thuần từ HĐKD	15.8	7.25	22.2	57.1	4.20
Lợi nhuận khác	0.03	-0.11	-0.01	-0.21	0.41
LN trước thuế	15.9	7.14	22.2	56.9	4.62
Lợi nhuận sau thuế	12.6	5.66	17.8	43.4	3.71
LNST của CĐ cty mẹ	12.6	5.66	17.8	43.4	3.71

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.9	-12.8	59.4	-10.5	-3.73
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.58	-29.3	-21.7	-81.8	-8.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.78	37.7	-36.7	93.3	19.7
Tiền đầu kỳ	30.7	17.1	12.9	14.2	16.4
Lưu chuyển tiền thuần	-13.6	-4.40	0.99	1.05	7.14
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.21	0.32	1.14	-1.22
Tiền cuối kỳ	17.1	12.9	14.2	16.4	22.3